

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2018/DS-ST
Ngày: 09 và 14 - 8 - 2018
*“V/v tranh chấp hợp đồng
góp hui, vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giũ;

Ông Lý Khắc Chung.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 09 và 14 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2017/TLST – DS ngày 19 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng góp hui, vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thùy L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 14, ấp V T, thị trấn C D, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lương Tường H là Luật sư của Công ty A thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ ấp V L, thị trấn C D, huyện CP, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Huyền Ch, sinh năm 1982; bà Trương Bích PH, sinh năm: 1965. Cùng địa chỉ: Tổ 14, ấp B T, xã B M, huyện CP, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị Thùy L trình bày như sau: Bà L yêu cầu bà Võ Thị Huyền Ch và bà Trương Bích PH liên đới trả cho bà số tiền 341.000.000đ theo giấy vay mượn tiền ngày 28/7/2016, trong đó tiền hụi 241.000.000đ, tiền vay 100.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là phô tô tờ cam kết ngày 18/8/2016, phô tô giấy vay mượn tiền ngày 28/7/2016.

Tại bản tự khai ngày 14/3/2018, bị đơn bà Võ Thị Huyền Ch thừa nhận còn nợ bà L số tiền hụi 67.890.000đ, không thừa nhận tiền vay 100.000.000đ. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bị đơn không có.

Tại bản tự khai ngày 13/3/2018, bị đơn bà Trương Bích PH trình bày: Bà là mẹ ruột của bà Ch, sau khi bà Ch bỏ đi thì bà L có đến gặp bà nói là Ch có thiếu tiền bà L số tiền 341.000.000đ, vì sắp đến ngày cưới của Ch và anh trai của L, để mọi việc được êm xuôi nên bà PH có hứa miệng với bà L để bà trả tiếp cho bà Ch mỗi tháng 6.000.000đ. Đến ngày 13/7/2016 (âm lịch) bà PH có trả cho bà L 10.000.000đ. Nay L kiện ra Tòa thì bà Phương không đồng ý liên đới cùng với Ch trả nợ cho L, vì bà không có liên quan.

Do có mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự, Tòa án có tiến hành cho đối chất giữa các đương sự. Tại biên bản đối chất ngày 22/3/2018 các đương sự trình bày cụ thể như sau:

** Bà Phạm Thị Thùy L trình bày:*

- Đối với tiền hụi:

+ Lần thứ nhất: ngày 28/4/2016 bà mua hụi của bà Ch hụi 10.000đ/ngày, có 60 người tham gia, bà mua 80 dây hụi, bà giao tiền cho bà Ch số tiền là 42.480.000đ. Đến ngày 19/6/2016 thì bà Ch ngưng góp tiền cho bà, bà Ch còn thiếu lại 10 ngày chưa góp với số tiền là 8.000.000đ.

+ Lần thứ hai: Ngày 01/5/2016 bà mua hụi của bà Ch hụi 10.000đ/ngày, có 60 người tham gia, bà mua 20 dây hụi, bà giao tiền cho bà Ch số tiền là 10.620.000đ. Đến ngày 19/6/2016 thì bà Ch ngưng góp tiền cho bà, bà Ch còn thiếu lại 12 ngày chưa góp với số tiền là 2.400.000đ.

+ Lần thứ ba: Ngày 07/5/2016 bà mua hụi của bà Ch hụi 10.000đ/ngày, có 60 người tham gia, tôi mua 40 dây hụi, bà giao tiền cho bà Ch số tiền là 20.520.000đ. Đến ngày 19/6/2016 thì bà Ch ngưng góp tiền cho bà, bà Ch còn thiếu lại 18 ngày chưa góp với số tiền là 7.200.000đ.

+ Lần thứ tư: Ngày 08/5/2016 bà mua hụi của bà Ch hụi 10.000đ/ngày, có 60 người tham gia, bà mua 60 dây hụi, bà giao tiền cho bà Ch số tiền là 31.860.000đ. Đến

ngày 19/6/2016 thì bà Ch ngưng góp tiền cho bà, bà Ch còn thiếu lại 19 ngày chưa góp với số tiền là 11.400.000đ.

+ Lần thứ năm: Ngày 22/5/2016 bà mua hụi của bà Ch hụi 10.000đ/ngày, có 60 người tham gia, bà mua 50 dây hụi, bà giao tiền cho bà Ch số tiền là 26.550.000đ. Đến ngày 19/6/2016 thì bà Ch ngưng góp tiền cho bà, bà Ch còn thiếu lại 23 ngày chưa góp với số tiền là 11.500.000đ.

+ Lần thứ sáu: Ngày 15/5/2016 bà mua hụi của bà Ch hụi 10.000đ/ngày, có 60 người tham gia, bà mua 50 dây hụi, bà giao tiền cho bà Ch số tiền là 26.550.000đ. Đến ngày 19/6/2016 thì bà Ch ngưng góp tiền cho bà, bà Ch còn thiếu lại 26 ngày chưa góp với số tiền là 13.000.000đ.

+ Lần thứ bảy: Ngày 16/5/2016 bà mua hụi của bà Ch hụi 10.000đ/ngày, có 60 người tham gia, bà mua 50 dây hụi, bà giao tiền cho bà Ch số tiền là 26.550.000đ. Đến ngày 19/6/2016 thì bà Ch ngưng góp tiền cho bà, bà Ch còn thiếu lại 27 ngày chưa góp với số tiền là 13.500.000đ.

+ Lần thứ tám: Ngày 20/5/2016 bà mua hụi của bà Ch hụi 10.000đ/ngày, có 60 người tham gia, bà mua 80 dây hụi, bà giao tiền cho bà Ch số tiền là 42.480.000đ. Đến ngày 19/6/2016 thì bà Ch ngưng góp tiền cho bà, bà Ch còn thiếu lại 31 ngày chưa góp với số tiền là 24.800.000đ.

+ Lần thứ chín: Ngày 27/5/2016 bà mua hụi của bà Ch hụi 10.000đ/ngày, có 60 người tham gia, bà mua 40 dây hụi, bà giao tiền cho bà Ch số tiền là 21.240.000đ. Đến ngày 19/6/2016 thì bà Ch ngưng góp tiền cho bà, còn thiếu lại 38 ngày chưa góp với số tiền là 15.200.000đ.

+ Lần thứ mười: Ngày 28/5/2016 bà mua hụi của bà Ch hụi 10.000đ/ngày, có 60 người tham gia, bà mua 40 dây hụi, bà giao tiền cho bà Ch số tiền là 21.240.000đ. Đến ngày 19/6/2016 thì bà Ch ngưng góp tiền cho bà, bà Ch còn thiếu lại 40 ngày chưa góp với số tiền là 16.000.000đ.

+ Lần thứ mười một: Ngày 02/6/2016 bà mua hụi của bà Ch hụi 10.000đ/ngày, có 60 người tham gia, bà mua 10 dây hụi, bà giao tiền cho bà Ch số tiền là 5.310.000đ. Đến ngày 19/6/2016 thì bà Ch ngưng góp tiền cho bà, bà Ch còn thiếu lại 42 ngày chưa góp với số tiền là 4.200.000đ.

+ Lần thứ mười hai: Ngày 03/6/2016 bà mua hụi của bà Ch hụi 10.000đ/ngày, có 60 người tham gia, bà mua 40 dây hụi, bà giao tiền cho bà Ch số tiền là 21.240.000đ. Đến ngày 19/6/2016 thì bà Ch ngưng góp tiền cho bà, bà Ch còn thiếu lại 43 ngày chưa góp với số tiền là 17.200.000đ.

+ Lần thứ mười ba: Ngày 08/6/2016 bà mua hụi của bà Ch hụi 10.000đ/ngày, có 60 người tham gia, bà mua 80 dây hụi, bà giao tiền cho bà Ch số tiền là 42.480.000đ. Đến ngày 19/6/2016 thì bà Ch ngưng góp tiền cho bà, bà Ch còn thiếu lại 48 ngày chưa góp với số tiền là 38.400.000đ.

+ Lần thứ mười bốn: Ngày 12/6/2016 bà mua hụi của bà Ch hụi 10.000đ/ngày, có 60 người tham gia, bà mua 60 dây hụi, bà giao tiền cho bà Ch số tiền là 31.860.000đ. Đến ngày 19/6/2016 thì bà Ch ngưng góp tiền cho bà, bà Ch còn thiếu lại 52 ngày chưa góp với số tiền là 31.200.000đ.

+ Lần thứ mười lăm: Ngày 14/6/2016 bà mua hụi của bà Ch hụi 10.000đ/ngày, có 60 người tham gia, bà mua 50 dây hụi, bà giao tiền cho bà Ch số tiền là 26.550.000đ. Đến ngày 19/6/2016 thì bà Ch ngưng góp tiền cho bà còn thiếu lại 54 ngày chưa góp với số tiền là 27.000.000đ. Tổng số tiền hụi bà Ch còn nợ bà là 241.000.000đ.

- Đối với tiền vay: Bà có cho bà Ch vay tổng cộng số tiền là 100.000.000đ cụ thể như sau:

- + Ngày 28/4/2016 bà cho bà Ch vay 10.000.000đ.
- + Ngày 12/5/2016 bà cho bà Ch vay 20.000.000đ.
- + Ngày 18/5/2016 bà cho bà Ch vay 10.000.000đ.
- + Ngày 21/5/2016 bà cho bà Ch vay 20.000.000đ.
- + Ngày 05/5/2016 bà cho bà Ch vay 10.000.000đ.
- + Ngày 22/5/2016 bà cho bà Ch vay 20.000.000đ.
- + Ngày 16/5/2016 bà cho bà Ch vay 10.000.000đ.

* Bà Ch trình bày:

- Đối với tiền hụi:
+ Thống nhất dây hụi ngày 28/4/2016 như bà L trình bày, số tiền bà nhận của bà L là 41.680.000đ (đã trừ tiền thảo 800.000đ). Tuy nhiên, dây hụi này bà đã góp đủ cho bà L không còn nợ.

+ Thống nhất dây hụi ngày 01/5/2016 như bà L trình bày, số tiền bà nhận của bà L là 10.420.000đ (đã trừ tiền thảo 200.000đ). Tuy nhiên, dây hụi này bà đã góp đủ cho bà L không còn nợ.

+ Thống nhất dây hụi ngày 07/5/2016 như bà L trình bày, số tiền bà nhận của bà L là 20.840.000 (đã trừ tiền thảo 400.000đ). Tuy nhiên, dây hụi này bà đã góp đủ cho bà L không còn nợ.

+ Thống nhất dây hụi ngày 08/5/2016 như bà L trình bày, số tiền bà nhận của bà L là 31.260.000 (đã trừ tiền thảo 600.000đ). Tuy nhiên, dây hụi này bà đã góp đủ cho bà L không còn nợ.

+ Thống nhất dây hụi ngày 22/5/2016 như bà L trình bày, số tiền bà nhận của bà L là 26.050.000 (đã trừ tiền thảo 500.000đ). Tuy nhiên, dây hụi này bà đã góp đủ cho bà L không còn nợ.

+ Thống nhất dây hụi ngày 15/5/2016 như bà L trình bày, số tiền bà nhận của bà L là 26.050.000 (đã trừ tiền thảo 500.000đ). Tuy nhiên, dây hụi này bà đã góp đủ cho bà L không còn nợ.

+ Thống nhất dây hụi ngày 16/5/2016 như bà L trình bày, số tiền bà nhận của bà L là 26.050.000 (đã trừ tiền thảo 500.000đ). Tuy nhiên, dây hụi này bà đã góp đủ cho bà L không còn nợ.

+ Thống nhất dây hụi ngày 20/5/2016 như bà L trình bày, số tiền bà nhận của bà L là 41.680.000 (đã trừ tiền thảo 800.000đ). Tuy nhiên, dây hụi này bà đã góp đủ cho bà L không còn nợ.

+ Thống nhất dây hụi ngày 27/5/2016 như bà L trình bày, số tiền bà nhận của bà L là 20.840.000 (đã trừ tiền thảo 400.000đ). Tuy nhiên, dây hụi này bà đã góp đủ cho bà L không còn nợ.

+ Thống nhất dây hụi ngày 28/5/2016 như bà L trình bày, số tiền bà nhận của bà L là 20.840.000 (đã trừ tiền thảo 400.000đ). Tuy nhiên, dây hụi này còn 01 ngày chưa góp cho bà L số tiền là 400.000đ. Dây hụi này bà còn nợ bà L 400.000đ.

+ Thống nhất dây hụi ngày 02/6/2016 như bà L trình bày, số tiền bà nhận của bà L là 5.210.000 (đã trừ tiền thảo 100.000đ). Tuy nhiên, dây hụi này còn lại 34 ngày chưa góp cho bà L số tiền là 3.400.000đ. Dây hụi này bà còn nợ bà L 3.400.000đ.

+ Thống nhất dây hụi ngày 03/6/2016 như bà L trình bày, số tiền bà nhận của bà L là 20.840.000 (đã trừ tiền thảo 400.000đ). Tuy nhiên, dây hụi này còn lại 35 ngày chưa góp cho bà L số tiền là 14.000.000đ. Dây hụi này bà còn nợ bà L 14.000.000đ.

+ Thống nhất dây hụi ngày 08/6/2016 như bà L trình bày, số tiền bà nhận của bà L là 41.680.000 (đã trừ tiền thảo 800.000đ). Tuy nhiên, dây hụi này còn lại 40 ngày chưa góp cho bà L số tiền là 32.000.000đ. Dây hụi này bà còn nợ bà L 32.000.000đ.

+ Thống nhất dây hụi ngày 12/6/2016 như bà L trình bày, số tiền bà nhận của bà L là 31.260.000 (đã trừ tiền thảo 600.000đ). Tuy nhiên, dây hụi này còn lại 44 ngày chưa góp cho bà L số tiền là 26.400.000đ. Dây hụi này bà còn nợ bà L 26.400.000đ.

+ Thống nhất dây ngày 14/6/2016 như bà L trình bày, số tiền bà nhận của bà L là 26.050.000 (đã trừ tiền thảo 500.000đ). Tuy nhiên, dây hụi này còn lại 46 ngày chưa góp cho bà L số tiền là 23.000.000đ. Dây hụi này bà còn nợ bà L 23.000.000đ.

Tất cả các dây hụi bà góp đến ngày 26/7/2016 thì ngưng góp, đến ngày 27/7/2016 bà có góp cho bà L thêm 5.000.000đ, ngày 13/7/2016 mẹ bà là bà PH có trả thêm cho bà L 10.000.000đ.

Tổng cộng bà còn nợ tiền hụi của bà L số tiền là 99.200.000đ (chưa trừ 5.000.000đ bà đã góp cho bà L vào ngày 27/7/2016), không thống nhất với nợ 241.000.000đ như L trình bày vì có một số dây hụi bà đã góp đủ cho bà L. Nay bà Ch thừa nhận còn nợ tiền hụi bà L 99.200.000đ.

- Đối với tiền vay: Bà có vay tiền vài lần của bà L nhưng vay để góp tiền hụi lại cho bà L, mỗi lần vay từ 10.000.000đ - 20.000.000đ (lãi 10.000.000đ thì mỗi tháng đóng 2.000.000đ), sau khi hốt hụi được thì bà trả lại số tiền vay này, hiện nay bà không còn nợ tiền vay bà L, bà không có giấy tờ gì chứng minh, sổ sách do bà L kêu bà ghi do L giữ, bà không giữ. Bà không có nợ bà L 100.000.000đ. Đối với giấy vay mượn tiền ngày 28/7/2016, tờ cam kết ngày 18/7/2016 bà có ký tên và lãng tay vào 2 giấy này. Giấy tờ cam kết ngày 18/7/2016 bà ký tên và lãng tay tại quán cà phê Sao Mai do bà L nhờ người khác viết, giấy vay mượn tiền ngày 28/7/2016 do bà L chở bà đến tại văn phòng ấp V T trước khi ký chỉ làm ở ấp V T có đọc lại cho bà nghe xong bà đồng ý mới ký tên và lãng tay (đối với hai giấy này do L đem công an và ấp ra, bà sợ chính quyền nên bà ký, bà chưa tính toán gì hết). Bà không thừa nhận số nợ 341.000.000đ theo hai tờ giấy này, bà thừa nhận còn nợ bà L số tiền hụi 99.200.000đ (chưa trừ 5.000.000đ L nhận của bà và 10.000.000đ của mẹ bà là bà PH giao cho L).

** Bà PH trình bày:*

Bà không đồng ý theo yêu cầu của bà L yêu cầu bà cùng với con gái bà là Ch trả số tiền 341.000.000đ, vì bà không có nợ tiền gì của L. Ngày 13/7/2017 bà có giao cho L 10.000.000đ (bà giao tiền cho L là do chỗ định làm sui với ba mẹ L nên bà đứng ra trả nợ cho con gái là Ch), bà đồng ý để cho L khấu trừ số tiền 10.000.000đ vào số tiền Ch còn nợ L, bà không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới với Ch trả nợ cho L, bà xin vắng mặt tất cả các phiên hòa giải và xét xử sau này.

Tại phiên tòa:

- Bà L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện liên đới đối với bà PH, bà L yêu cầu Ch có trách nhiệm trả cho bà số nợ tổng cộng 341.000.000đ theo giấy nhận nợ ngày 28/7/2016, không yêu cầu tính lãi. Đồng thời, bà L đồng ý khấu trừ 10.000.000đ đã nhận từ bà PH, không đồng ý khấu trừ 5.000.000đ như bà Ch trình bày.

- Bà Ch đồng ý còn nợ bà L số tiền hui 99.200.000đ, yêu cầu khấu trừ vào số tiền 10.000.000đ bà PH đã trả trước cho bà L, đối với số tiền 5.000.000đ bà khai có đưa cho L nhưng không có chứng cứ nên bà Ch xin rút lại yêu cầu. Tổng số tiền hui bà Ch còn nợ bà L là 89.200.000đ. Không đồng ý trả số tiền vay 100.000.000đ.

- Bà PH yêu cầu khấu trừ số tiền 10.000.000đ bà đã trả trước cho L vào số tiền nợ của bà Ch, không yêu cầu bà Ch trả lại. Đối với trách nhiệm liên đới trả nợ với bà Ch bà không đồng ý vì số nợ không liên quan đến bà.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70,71, 72, 75,76 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ, lời khai của đương sự, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, thấy rằng: Về tiền hui các bên đã thống nhất các lần mua bán hui với nhau. Sau khi bà Ch không còn khả năng thanh toán cho bà L thì hai bên có tính, kết sổ, sau đó hai bên đã ký vào giấy vay mượn tiền ngày 28/7/2016 và tờ cam kết ngày 18/7/2016. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Ch không đồng ý số tiền tiền trong giấy vay mượn tiền và tờ cam kết vì cho rằng việc bà ký là vì có chính quyền nên bà sợ mới ký. Lời khai nại của bà Ch là không có cơ sở, vì tại biên bản xác minh ngày 12/7/2018 thể hiện ông Nguyễn Văn B là người bà L nhờ viết dùm giấy vay mượn tiền, bà Trần Thị D là người chứng kiến việc bà L và bà Ch thương lượng, ông B và bà D xác nhận có đọc lại nội dung giấy vay mượn tiền và có hỏi bà Ch “có đồng ý với giấy vay mượn tiền này không mà ký?”, bà Ch đồng ý và có hứa miệng mỗi tháng trả cho bà L 3.000.000đ, đồng thời bà Ch cũng xác nhận chữ ký và lấn tay trên giấy vay mượn tiền là của bà. Do đó, không chấp nhận việc khai nại của bà Ch. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà PH về trách nhiệm liên đới với bà Ch trả nợ,

đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu này và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc đồng ý khấu trừ số tiền 10.000.000đ của bà PH đã trả cho bà L vào số tiền nợ của bà Ch. Bà Ch xin rút lại yêu cầu xem xét số tiền 5.000.000đ đã trả cho bà L nên đề nghị không xem xét.

** Luật sư Lương Tường H phát biểu quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Tại phiên tòa nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về trách nhiệm liên đới nên đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần khởi kiện của bà L. Vì việc mua bán hụi và vay tiền nguyên đơn và bị đơn đã tính gộp chung vào giấy vay mượn tiền ngày 28/7/2016 bà L và bà Ch cùng ký vào có sự chứng kiến của ông B và bà D. Tại phiên tòa bà L đồng ý khấu trừ 10.000.000đ của bà PH đã trả cho bà L vào số nợ của bà Ch nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Ch có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 331.000.000đ, bà L không yêu cầu tính lãi nên đề nghị không xem xét. Đối với yêu cầu của bà Ch xem xét số tiền 5.000.000đ đã trả cho bà L, tại phiên tòa bà Ch xin rút yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà L có đơn cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hụi, vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Ch, bà PH có nơi cư trú tại Hện CP, nên Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bà L và bà Ch thống nhất với nhau về các lần mua bán hụi, số tiền hai bên giao nhận như trình bày tại biên bản đối chất ngày 22/3/2018. Tuy nhiên, bà L cho rằng tất cả các dây hụi bà mua của bà Ch, sau khi giao tiền thì bà Ch có góp lại cho bà mỗi ngày, bà Ch góp các dây hụi đến ngày 19/6/2016 thì ngưng, sau đó bà và bà Ch có gặp bà Ch tự tính số tiền hụi và tiền vay còn thiếu đưa cho bà, nên bà nhờ ông Nguyễn Văn B viết dùm giấy vay mượn tiền ngày 28/7/2016 hai bên đã ký vào tờ giấy này và giao cho ban ấp V T giữ một 01 bản. Bà Ch không đồng ý với số tiền hụi còn thiếu 241.000.000đ như bà L trình bày, bà Ch xác nhận còn nợ bà L số tiền hụi 99.200.000đ (chưa trừ số tiền 10.000.000đ của mẹ bà là bà PH giao cho L 13/7/2016

(âm lịch)). Vì bà cho rằng bà đã góp hụi cho bà L đến ngày 27/7/2016 mới ngưng, còn tiền vay bà không còn thiếu bà L.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tài sản và góp hụi giữa nguyên đơn và bị đơn thực tế có xảy ra và được xác lập trên cơ sở thỏa thuận, tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 116, khoản 1 Điều 119, Điều 463, Điều 470 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015. Số tiền nợ được thể hiện bằng tờ cam kết ngày 18/7/2016 và giấy vay mượn tiền ngày 28/7/2016 do bà L và bà Ch cùng ký tên với số nợ là 341.000.000đ. Bà L khai số tiền trong giấy vay mượn tiền là số tiền nợ tổng cộng của tiền vay là 100.000.000đ và tiền hụi 241.000.000đ. Sau khi bà Ch ngưng góp hụi, bà L nhờ ông Nguyễn Văn B viết dùm giấy vay mượn tiền ngày 28/7/2016 căn cứ vào giấy tính tiền do bà Ch tính tổng số tiền còn nợ, sau đó cả hai cùng ký vào giấy vay mượn tiền và cùng đến Ban áp nhờ xác nhận. Tại phiên tòa, bà L rút lại yêu cầu liên đới với bà PH, yêu cầu bà Ch trả cho bà số nợ 331.000.000đ (đã khấu trừ 10.000.000đ do bà PH trả dùm cho bà Ch), không yêu cầu tính lãi. Xét yêu cầu của bà L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc khai nại của bà Ch, cho rằng chỉ còn nợ bà L tiền hụi 99.200.000đ, không nợ tiền vay, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Trong khi đó tờ cam kết và giấy vay mượn tiền bà Ch điều xác nhận là chữ ký và lấn tay của là của bà Ch. Bà Ch cũng xác nhận trước khi ký giấy vay mượn tiền thì bà D (Ban áp) có đọc lại nội dung cho bà nghe và bà đồng ý mới ký vào. Lời khai của bà Ch phù hợp với biên bản xác minh ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị D ngày 12/7/2018. Tại phiên tòa, bà Ch còn cho rằng bà ký là do bà sợ chính quyền nên mới ký, nhưng bà Ch xác định việc bà ký là tự nguyện, chính quyền địa phương không có hăm dọa hay ép buộc bà. Do đó, lời khai nại của bà Ch là không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa, bà Ch yêu cầu khấu trừ 10.000.000đ bà PH đã trả trước cho bà L và bà L đồng ý khấu trừ. Đối với yêu cầu xem xét khấu trừ 5.000.000đ bà Ch đã trả cho bà L, nay bà Ch yêu cầu rút lại, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của bà PH, đồng ý khấu trừ 10.000.000đ bà đã trả cho bà L vào số nợ bà Ch còn nợ bà L, bà không yêu cầu bà Ch trả lại. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Bà L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ đối với yêu cầu trách nhiệm liên đới do nguyên đơn rút yêu cầu là có cơ sở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 8.525.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0017128 ngày 16/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP. Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà Võ Thị Huyền Ch phải chịu 16.550.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 351, Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thùy L yêu cầu bà Võ Thị Huyền Ch có trách nhiệm trả số tiền 331.000.000đ (Ba trăm ba mươi một triệu đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu bà Trương Bích PH liên đới với bà Ch trả nợ cho bà L.

- Buộc bà Võ Thị Huyền Ch có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Thùy L số tiền 331.000.000đ (Ba trăm ba mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị Huyền Ch phải chịu 16.550.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Thị Thùy L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 8.525.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0017128 ngày 16/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA Hện CP;
- VKSND h.CP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ngọc Mỹ